

CHÍNH PHỦ
Số: 69/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc xử lý các khoản nợ tồn đọng và cơ chế quản lý nợ, trách nhiệm thanh toán nợ của các doanh nghiệp nhà nước.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

- a) Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động theo quy định tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp nhà nước.
- b) Doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi (được đưa vào danh mục cổ phần hoá, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê hoặc chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là các doanh nghiệp chuyển đổi).

Các Ngân hàng thương mại Nhà nước có quy định riêng.

Điều 2. Nợ tồn đọng

1. Nợ tồn đọng nêu trong Nghị định này được hiểu là các khoản nợ phải thu, phải trả đã quá thời hạn thanh toán, doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý, như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán được.

2. Nợ tồn đọng gồm:

- a) Nợ ngân sách nhà nước.
- b) Nợ các Ngân hàng thương mại.
- c) Nợ Dự trữ Quốc gia.
- d) Nợ Bảo hiểm xã hội.

đ)Nợ các tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp và cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

e)Các khoản nợ khác.

Điều 3. Phạm vi xử lý nợ tồn đọng

1.Đối với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động: phạm vi xử lý là các khoản nợ tồn đọng đến 31 tháng 12 năm 2000. Các khoản nợ tồn đọng phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2000, doanh nghiệp phải tự thanh toán, thu hồi.

2.Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi: phạm vi xử lý là các khoản nợ tồn đọng đến thời điểm chuyển đổi. Các khoản nợ tồn đọng phát sinh sau thời điểm chuyển đổi, doanh nghiệp tự thanh toán, thu hồi.

Điều 4. Yêu cầu và nguyên tắc xử lý nợ

1.Các doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng, bao gồm nợ phải thu, nợ phải trả theo quy định của Nghị định này.

2.Thứ tự ưu tiên huy động nguồn để xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp nhà nước:

a)Nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi trích lập hàng năm của doanh nghiệp nhà nước.

b)Lãi kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp nhà nước (hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc thu nhập của doanh nghiệp tùy theo từng khoản nợ.

c)Giảm trừ vào lãi hoặc vốn của các chủ nợ trong các trường hợp khoan nợ, giãn nợ hoặc xóa nợ.

d)Giảm trừ vào giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

đ)Sử dụng nguồn chi phí cải cách doanh nghiệp nhà nước và hệ thống các Ngân hàng thương mại giai đoạn 2001 - 2003 theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

3.Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi hoặc không có khả năng trả nợ, trước hết, doanh nghiệp phải tự tìm mọi biện pháp xử lý, cùng chia xẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoan nợ, giãn nợ, xoá nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

4.Các doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục chuyển đổi được xử lý ngay các khoản nợ tồn đọng phù hợp với cơ chế chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước.

5.Các giải pháp về xử lý nợ phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở tổ chức sắp xếp, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp để có nguồn trả nợ nhằm lành mạnh hoá và ổn định lâu dài tài chính doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU TỒN DỌNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 5. Xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi

1. Các khoản nợ phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn thuộc một trong các trường hợp sau đây được coi là khoản nợ không có khả năng thu hồi:

- a) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.
- b) Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả.
- c) Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, đang thi hành án phạt tù hoặc người thừa kế theo luật, nhưng không có khả năng chi trả.
- d) Hợp tác xã nông nghiệp đã giải thể, Hợp tác xã nông nghiệp đã được chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 16/CP ngày 12 tháng 02 năm 1997 của Chính phủ nhưng quá khó khăn về tài chính, kinh doanh thua lỗ không có khả năng trả nợ, Hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động kinh doanh có lãi, số tiền nợ này đã được sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng, nhưng đến nay các cơ sở hạ tầng đó đã bị hư hỏng, thiệt hại do thiên tai, bão lụt tàn phá được Nhà nước cho xóa nợ.
- đ) Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.
- e) Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.
- g) Khoản chênh lệch thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận do bán nợ phải thu.
- h) Các khoản nợ phải thu mà dự toán chi phí đòi nợ lớn hơn giá trị khoản nợ phải thu.
- i) Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 3 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, doanh nghiệp đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

2. Đối với các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại khoản 1 Điều này được xử lý theo thứ tự sau đây:

- a) Dùng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi để bù đắp.
- b) Hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc thu nhập của doanh nghiệp, tùy theo từng trường hợp cụ thể.
- c) Trường hợp hạch toán vào chi phí kinh doanh mà doanh nghiệp bị lỗ không có khả năng bù đắp trong 2 năm liên tiếp và doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải giải thể, phá sản thì cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định giảm vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- d) Trường hợp đã áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm: a, b, c nêu trên mà doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn về tài chính, Bộ Tài chính phối hợp với cơ quan liên quan xem xét và quyết định việc hỗ trợ vốn hoặc xử lý giảm lỗ của doanh nghiệp từ nguồn chi phí cải cách doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc hỗ trợ này, Bộ Tài chính thực hiện trực tiếp hoặc thông qua tổ chức tài chính trung gian có chức năng.

3.Đối với doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển đổi, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi, sau khi xử lý một lần theo quy định tại điểm a và b khoản 2 của Điều này mà doanh nghiệp bị lỗ hoặc khi chưa xử lý nợ doanh nghiệp đã bị lỗ thì được xét giảm vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước khi thực hiện chuyển đổi.

Trường hợp giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không đủ để xử lý lỗ lũy kế và nợ không có khả năng thu hồi, hoặc sau khi xử lý giảm giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà giá trị còn lại quá ít không đủ để thực hiện chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định, hoặc không đảm bảo đủ tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong công ty cổ phần thì Bộ Tài chính quyết định chuyển giao một số khoản nợ phải thu cho tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng của nhà nước xử lý. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị khoản nợ phải thu với số thực tế thu được của tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng được hỗ trợ từ nguồn chi phí cải cách doanh nghiệp.

4.Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi tuy đã được xử lý nhưng khách nợ còn tồn tại thì các doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp tục theo dõi ngoại bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi trong thời hạn 5 năm. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp chuyển đổi, sau khi chuyển đổi người đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý trước khi chuyển đổi nhưng vẫn có khả năng thu hồi, tiền thu được sau khi đã trừ chi phí thu hồi nợ nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước hoặc chuyển giao hồ sơ, tài liệu cho tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi vào ngân sách nhà nước.

Điều 6. Xử lý các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi

1.Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi, doanh nghiệp phải tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp để thu hồi.

2.Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm trở lên còn có khả năng thu hồi, doanh nghiệp phải lập dự phòng và hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp trong năm. Mức trích lập dự phòng tùy theo mức độ tổn thất có thể xảy ra, nhưng tổng mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi tối đa bằng 20% tổng số dư nợ các khoản phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Điều 7. Xử lý các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước liên quan đến ngân sách nhà nước

1.Các khoản được ngân sách trợ cấp hoặc cấp bù theo quy định nhưng chưa được cấp thì ngân sách cấp nào nợ, ngân sách cấp đó phải cấp đủ cho doanh nghiệp.

2. Các khoản doanh nghiệp đã nộp thừa vào ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó phải hoàn trả cho doanh nghiệp hoặc trừ vào khoản nộp kỳ sau theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Các khoản nợ về khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản thuộc các công trình, dự án được phê duyệt đúng thẩm quyền, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa được thanh toán đủ thì ngân sách phải thanh toán kịp thời cho doanh nghiệp. Công trình được đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó phải thanh toán đủ và kịp thời cho doanh nghiệp.

4. Các khoản ngân sách địa phương nhận trả nợ thay khi điều động tài sản của doanh nghiệp cho đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương thì địa phương phải dùng ngân sách để trả nợ doanh nghiệp.

5. Các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp do xây dựng các công trình công cộng và các cơ sở hạ tầng cho các địa phương, nhượng bán tài sản, trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nằm trong kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt mà doanh nghiệp chưa thu được tiền thì cấp quyết định đầu tư, chuyển nhượng tài sản phải bố trí ngân sách cấp đó để thanh toán cho doanh nghiệp. Trường hợp vượt thẩm quyền và quá khả năng của ngân sách thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định. Đối với doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi được giảm phần vốn nhà nước trong tổng giá trị doanh nghiệp và ghi tăng vốn cho đơn vị tiếp nhận công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng đó hoặc đơn vị sử dụng tài sản đã mua của doanh nghiệp.

6. Các khoản tiền của doanh nghiệp bị các cơ quan nhà nước tạm giữ trong quá trình kiểm tra, thanh tra, điều tra vụ án, sau khi có kết luận doanh nghiệp không có sai phạm hoặc không phải khắc phục hậu quả thì các cơ quan quyết định tạm giữ phải hoàn trả ngay cho doanh nghiệp.

Điều 8. Xử lý nợ phải thu có bảo lãnh

Tổ chức, cá nhân bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay vốn, mua trả chậm vật tư hàng hóa đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp được bảo lãnh chưa trả được nợ thì tổ chức và cá nhân bảo lãnh phải trả nợ thay. Doanh nghiệp được trả nợ thay có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ với tổ chức, cá nhân đã bảo lãnh cho mình theo quy định.

Điều 9. Hạch toán tổn thất nợ không thu hồi được

Các doanh nghiệp nhà nước được xử lý và hạch toán một lần, hoặc xử lý dần các khoản nợ không thu hồi được vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm theo các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này, nhưng tối đa không quá 02 năm.

Điều 10. Doanh nghiệp có nợ lớn không đòi được

Doanh nghiệp nhà nước có nợ phải thu quá lớn, không có khả năng thu hồi và không thể xử lý hết bằng các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, do đó không có khả năng thanh toán các khoản nợ